

Số: 16 /QĐ-MNDMA

Thiên Lộc, ngày 12 tháng 1 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng xe ô tô và tài sản cố định khác năm 2025

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ thông tư 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, sử dụng xe oto và tài sản cố định khác năm 2025 của trường mầm non Đại Mạch A (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Kinh tế xã;
- Như điều 3 (t/h);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Trần Thị Nguyệt

Bộ, tỉnh: Thành phố Hà Nội

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND Huyện Đông Anh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Mầm non Đại Mạch A

Mã đơn vị: 1133459

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		141	3.359.299	3.350.151		368.807							
1	Amplifier tăng âm	Nhà trường	1	17.950	17.950									x
2	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
3	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
4	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
5	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
6	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
7	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
8	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
9	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
10	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
11	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
12	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
13	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
14	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
15	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
16	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
17	Trò chơi nước TCN06	Nhà trường	1	22.519	22.519									x
18	Ti vi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
19	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
20	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
21	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
22	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
23	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
24	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
25	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
26	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
27	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
28	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
29	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
30	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
31	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
32	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
33	Tivi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
34	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
35	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
36	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
37	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
38	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
39	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
40	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
41	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
42	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
43	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
44	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
45	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
46	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
47	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
48	Tủ đựng tài liệu	Lớp học	1	11.550	11.550									x
49	Tủ hóp com	Bếp	1	19.980	19.980									x
50	Tủ nấu cơm công nghiệp bằng ga inox 2 cánh	Bếp	1	41.900	41.900									x
51	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
52	Tủ vi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
53	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
54	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
55	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
56	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
57	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
58	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
59	Tủ đựng chăn, màn, chiếu	Lớp học	1	12.012	12.012		3.003							x
60	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
61	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
62	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
63	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
64	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
65	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
66	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
67	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
68	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x
69	Tủ đựng đồ dùng cá nhân của trẻ	HS	1	23.250	23.250		5.813							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
70	Tủ sát trùng dụng cụ đồ ăn	Bếp	1	45.900	45.900									x
71	Ti vi 55 inch	Lớp học	1	32.890	32.890									x
72	Phần mềm MISA QLTS	Tài Vụ	1	15.000	15.000		9.000							x
73	Loa thùng	Nhà trường	1	19.815	19.815									x
74	Loa thùng	Nhà trường	1	19.815	19.815									x
75	Loa TBL	Nhà trường	1	19.300	19.300									x
76	Hàng rào inox thôn Đại Đồng	Nhà trường	1	69.995	69.995		7.000							x
77	Giá để đồ	Nhà trường	1	14.625	14.625									x
78	Giá để đồ	Nhà trường	1	14.625	14.625									x
79	Điều hoà Samsung	GV	1	14.300	14.300									x
80	Điều hoà Samsung	Nhà trường	1	17.690	17.690									x
81	Cổng trường MN khu Mai Châu	Nhà trường	1	10.602	10.602		3.181							x
82	Cổng trường MN khu Đại Đồng	Nhà trường	1	19.350	19.350		7.740							x
83	Con voi	Nhà trường	1	25.813	25.813									x
84	Con hươu cao cổ	Nhà trường	1	29.275	29.275									x
85	Chậu rửa inox 3 ngăn	Bếp	1	19.980	19.980									x
86	Chậu rửa inox 2 ngăn	Bếp	1	14.500	14.500									x
87	Bộ thu tín hiệu và micro không dây	Nhà trường	1	171.000	171.000									x
88	Bộ leo núi A	Nhà trường	1	38.423	29.275		8.005							x
89	Bếp ga công nghiệp 3 khoang Inox	Bếp	1	24.500	24.500									x
90	Amplifier tăng âm	Nhà trường	1	17.950	17.950									x
91	Amplifier tăng âm	Nhà trường	1	17.950	17.950									x
92	Amplifier tăng âm	Nhà trường	1	17.950	17.950									x
93	Amplifier tăng âm	Nhà trường	1	17.950	17.950									x
94	Bàn bếp công nghiệp	Bếp	1	18.350	18.350									x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
95	Bàn chặt thực phẩm	Bếp	1	11.780	11.780									x
96	Máy chiếu Sony	GV	1	30.868	30.868									x
97	Bàn chế biến thức ăn inox	Bếp	1	12.500	12.500									x
98	Bàn chế biến thức ăn inox	Bếp	1	12.500	12.500									x
99	Bàn chia thức ăn sống, chín inox	Bếp	1	12.760	12.760									x
100	Bàn chia thức ăn sống, chín inox	Bếp	1	12.760	12.760									x
101	Bàn họp	Nhà trường	1	40.700	40.700		10.175							x
102	Bàn họp	Nhà trường	1	22.450	22.450									x
103	Bếp ga công nghiệp	Bếp	1	12.700	12.700									x
104	Bàn chế biến thức ăn inox	Bếp	1	12.500	12.500									x
105	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
106	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
107	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
108	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
109	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
110	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
111	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
112	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
113	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
114	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
115	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
116	Máy xay thực phẩm công nghiệp	Bếp	1	35.250	35.250									x
117	Nâng bạch tuyết và bầy chú lùn	Nhà trường	1	23.786	23.786									x
118	Nhà để xe khu Đại Đồng	Nhà trường	1	82.800	82.800		33.120							x
119	Nhà vòm khu vui chơi 2	Nhà trường	1	125.716	125.716		12.572							x
120	Nhà vòm sân khấu khu Đại Đồng	Nhà trường	1	94.145	94.145		28.244							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
121	Phần mềm kế toán HCSN Misa Mimosa Online	Tài Vụ	1	14.000	14.000		8.400							x
122	Máy vi tính	GV	1	10.154	10.154									x
123	Thang leo dây	Nhà trường	1	12.949	12.949									x
124	Máy tính xách tay Acer	GV	1	14.900	14.900									x
125	Máy tính để bàn CMS	GV	1	14.940	14.940									x
126	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
127	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
128	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
129	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
130	Máy điều hoà Daikin	GV	1	18.180	18.180		2.273							x
131	Máy phát điện	Nhà trường	1	50.000	50.000									x
132	Máy tính xách tay	GV	1	18.150	18.150									x
133	Máy phát điện	Nhà trường	1	50.000	50.000									x
134	Máy thái củ quả	Bếp	1	38.000	38.000									x
135	Máy tính CMS	GV	1	14.980	14.980									x
136	Máy tính để bàn	GV	1	12.995	12.995									x
137	Máy tính để bàn CMS	GV	1	14.940	14.940									x
138	Máy tính để bàn CMS	GV	1	14.940	14.940									x
139	Máy tính để bàn CMS	GV	1	14.940	14.940									x
140	Máy photo	Tài Vụ	1	58.100	58.100		11.620		x					x
141	Tum hút mùi	Bếp	1	21.450	21.450									x

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Lương Thị Nhung

Ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

